QUY TẮC BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN XE Ô TÔ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1686/QĐ-PHH ngày 16/06/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV)

CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Định nghĩa

Trong Quy tắc này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

1.1. **BIC:** là Tổng Công ty Bảo hiểm BIDV và các Công ty thành viên, Chi nhánh trực thuộc.

1.2. **Chủ xe:** là chủ sở hữu xe ô tô hoặc được chủ sở hữu xe ô tô giao chiếm hữu, sử dụng hợp pháp xe ô tô. Chủ xe có thể là Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm.

1.3. **Người được bảo hiểm:** là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự, sức khỏe, tính mạng được bảo hiểm theo Hợp đồng bảo hiểm.

1.4. **Bên mua bảo hiểm:** là tổ chức, cá nhân giao kết Hợp đồng bảo hiểm với BIC và đóng phí bảo hiểm.

1.5. **Người thụ hưởng:** là tổ chức, cá nhân được Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm chỉ định để nhận tiền bảo hiểm theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

1.6. **Xe cơ giới được bảo hiểm (gọi tắt là xe ô tô):** là phương tiện giao thông cơ giới đường bộ có từ 4 bánh trở lên, chạy bằng động cơ và được phân loại xe theo mục đích sử dụng như sau:

a. Xe chở hàng: là xe ô tô để chở hàng, bao gồm xe ô tô tải (hay còn gọi là xe tải); xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc; và các loại xe tương tự.

b. Xe chở người: là xe ô tô để chở người, bao gồm xe ô tô con (hay còn gọi là xe con) để chở không quá 9 chỗ (bao gồm lái xe); xe ô tô khách (hay còn gọi là xe khách) để chở lớn hơn 9 người (bao gồm lái xe); xe buýt (là xe ô tô khách có số chỗ ngồi ít hơn số chỗ đứng hoặc xe ô tô khách được sử dụng vào mục đích vận tải hành khách công cộng) và các loại xe tương tự.

c. Xe vừa chở người vừa chở hàng: bao gồm xe bán tải (xe pickup), xe tải van – ô tô thùng kín có khoang chở hàng liền khối với khoang chở người ngồi, có bố trí cửa xếp dỡ hàng hoặc các loại xe vừa chở người vừa chở hàng khác theo quy định của pháp luật.

d. Xe ô tô chuyên dùng: Ô tô có kết cấu và trang thiết bị chuyên dùng để thực hiện một chức năng, công dụng riêng biệt, bao gồm: ô tô quét đường, ô tô tưới nước, ô tô hút chất thải, ô tô ép rác; ô tô trộn vữa, ô tô trộn bê tông, ô tô bơm bê tông; ô tô cần cẩu; ô tô thang; ô tô cứu hộ giao thông; ô tô truyền hình lưu động; ô tô kiểm tra và bảo dưỡng cầu; ô tô kiểm tra cáp điện ngầm; ô tô cứu thương, ô tô chụp X-Quang, ô tô phẫu thuật lưu động; ô tô vận chuyển tiền; xe bồn (xi téc); xe chuyên sử dụng cho tang lễ, xe chở phạm nhân và các loại xe tương tự.

e. Rơ moóc là xe không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, được kéo bởi xe đầu kéo; phần chủ yếu của khối lượng toàn bộ rơ moóc không đặt lên xe kéo.

f. Sơ mi rơ moóc là xe không có động cơ để di chuyển, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ; được kéo bởi xe ô tô đầu kéo và có một phần đáng kể khối lượng toàn bộ đặt lên xe ô tô đầu kéo.

g. Xe chở người bốn bánh có gắn động cơ là xe có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở người, vận tốc thiết kế không lớn hơn 30 km/h, số người cho phép chở tối đa 15 người (không kể người lái xe).

h. Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ là xe có từ bốn bánh trở lên, chạy bằng động cơ, được thiết kế, sản xuất để hoạt động trên đường bộ, có kết cấu để chở hàng, có phần động cơ và thùng hàng lắp trên cùng một khung xe, có tối đa hai hàng ghế và chở tối đa 05 người (không kể người lái xe), vận tốc thiết kế không lớn hơn 60 km/h và khối lượng bản

thân không lớn hơn 550 kg; trường hợp xe sử dụng động cơ điện thì có công suất động cơ không lớn hơn 15 kW.

1.7. **Xe ô tô điện:** là xe ô tô hoạt động bằng một hay nhiều động cơ điện sử dụng 100% năng lượng được lưu trữ trong bộ pin điện động cơ và bộ pin điện động cơ là nguồn năng lượng duy nhất để xe ô tô hoạt động.

1.8. **Xe ô tô lai điện:** là xe ô tô sử dụng đồng thời động cơ đốt trong truyền thống kết hợp với động cơ điện.

1.9. **Bộ pin điện động cơ:** là thiết bị lưu trữ năng lượng điện cung cấp cho động cơ điện để xe ô tô điện, xe ô tô lai điện hoạt động.

1.10. **Thời gian sử dụng xe ô tô:** là khoảng thời gian tính từ tháng đăng ký lần đầu đến tháng có ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm. Đối với xe nhập khẩu đã qua sử dụng ở nước ngoài hoặc xe không xác định được thời gian đăng ký lần đầu, thời gian sử dụng tính từ tháng sáu của năm sản xuất đến tháng có ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

1.11. **Phí bảo hiểm:** là khoản tiền mà Bên mua bảo hiểm phải đóng cho BIC theo thời hạn và phương thức thanh toán do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

1.12. **Lái xe:** là người điều khiển xe và/hoặc vận hành thiết bị chuyên dùng trên xe được bảo hiểm tại thời điểm xảy ra tổn thất.

1.13. **Xe ô tô hoạt động:** là xe ô tô đang vận hành gồm di chuyển, dừng xe, đỗ xe có sự điều khiển của lái xe.

1.14. **Xe ô tô tham gia giao thông:** là việc lái xe điều khiển xe ô tô tham gia giao thông đường bộ.

1.15. **Hợp đồng bảo hiểm (viết tắt HĐBH):** là sự thỏa thuận giữa Bên mua bảo hiểm và BIC, theo đó, Bên mua bảo hiểm phải đóng phí bảo hiểm, BIC phải bồi thường bảo hiểm khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

HĐBH được lập thành văn bản. Bằng chứng giao kết hợp đồng bảo hiểm là HĐBH, Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Bộ hợp đồng bảo hiểm bao gồm: HĐBH và/hoặc GCNBH, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Quy tắc bảo hiểm này, Tài liệu tóm tắt quy tắc bảo hiểm và các điều khoản bổ sung, sửa đổi bổ sung (nếu có) hoặc các tài liệu khác do BIC và Bên mua bảo hiểm thỏa thuận được lập thành văn bản (nếu có).

1.16. **Giấy yêu cầu bảo hiểm (viết tắt GYCBH):** là biểu mẫu của BIC được sử dụng để Bên mua bảo hiểm ghi rõ các yêu cầu bảo hiểm, được lập bằng bản giấy hoặc bản điện tử trên website/ứng dụng bán hàng trực tuyến, nhằm thiết lập Hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không ký vào GYCBH hoặc không gửi GYCBH đã ký cho BIC nhưng đã nộp phí bảo hiểm thì được coi là Bên mua bảo hiểm đã đồng ý thông tin ghi trên HĐBH/GCNBH.

1.17. **Giấy chứng nhận bảo hiểm (viết tắt GCNBH):** là bằng chứng của việc ký kết HĐBH giữa Bên mua bảo hiểm và BIC, chịu sự điều chỉnh của Luật kinh doanh bảo hiểm và Quy tắc bảo hiểm này. GCNBH được cấp bằng bản giấy hoặc bản điện tử.

1.18. **Sửa đổi bổ sung:** là văn bản cung cấp các thông tin liên quan đến những thay đổi hoặc bổ sung so với HĐBH đã ký và là bộ phận không thể tách rời HĐBH.

Điều 2. Thời hạn bảo hiểm và thanh toán phí bảo hiểm

2.1. Thời điểm bắt đầu, kết thúc thời hạn bảo hiểm được ghi trên HĐBH/GCNBH.

2.2. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm được quy định trên HĐBH. Trách nhiệm bảo hiểm phát sinh khi Bên mua bảo hiểm đã đóng đầy đủ phí bảo hiểm cho BIC theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm trên HĐBH, trừ trường hợp có thỏa thuận khác bằng văn bản.

2.3. Bên mua bảo hiểm có trách nhiệm thanh toán đầy đủ phí bảo hiểm trước hoặc đúng ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm hoặc thanh toán phí trước hoặc đúng thời hạn ấn định thanh toán phí theo thỏa thuận để đảm bảo quyền lợi bảo hiểm.

2.4. Trong thời hạn bảo hiểm nêu trong HĐBH, nếu có sự chuyển quyền sở hữu xe ô tô được bảo hiểm, HĐBH mặc nhiên có hiệu lực đối với Người được bảo hiểm mới trừ trường hợp Bên mua bảo hiểm yêu cầu chấm dứt thực hiện HĐBH.

Điều 3. Quy định về chấm dứt Hợp đồng bảo hiểm trước hạn

3.1. Trong thời hạn bảo hiểm, BIC hoặc Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn theo quy định tại Luật kinh doanh bảo hiểm hiện hành hoặc có thể thỏa thuận chấm dứt thực hiện HĐBH trước hạn. Bên yêu cầu chấm dứt phải thông báo bằng văn bản cho bên kia biết trước ít nhất 05 ngày làm việc kể từ ngày dự định chấm dứt. BIC sẽ hoàn phí bảo hiểm như quy định dưới đây:

- Nếu HĐBH chấm dứt trước hạn theo đề nghị của Bên mua bảo hiểm: BIC sẽ hoàn lại 70% phí bảo hiểm trong thời gian còn lại của HĐBH, với điều kiện đến thời điểm chấm dứt, HĐBH chưa phát sinh khiếu nại hoặc đã phát sinh khiếu nại nhưng không được BIC bồi thường bảo hiểm, hoặc theo thỏa thuận khác được quy định trên HĐBH.

- Nếu HĐBH chấm dứt trước hạn theo đề nghị của BIC: BIC sẽ hoàn lại 100% phí bảo hiểm tương ứng với thời gian bảo hiểm còn lại của HĐBH.

3.2. Trường hợp Bên mua bảo hiểm không đóng phí bảo hiểm hoặc đóng không đủ phí bảo hiểm cho BIC theo thời hạn/hạn thanh toán phí đã thỏa thuận trong HĐBH thì HĐBH sẽ chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn/hạn thanh toán phí bảo hiểm mà không phụ thuộc vào thông báo của BIC. BIC không phải gửi thông báo chấm dứt hiệu lực HĐBH cho Bên mua bảo hiểm. Đồng thời, hai bên thống nhất điều chỉnh/thay thế hóa đơn tương ứng với số phí bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm không đóng đúng theo quy định.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của BIC

4.1. Quyền của BIC

4.1.1. Thu phí bảo hiểm theo thoả thuận trong HĐBH.

4.1.2. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp đầy đủ, trung thực thông tin liên quan đến việc giao kết và thực hiện HĐBH, thông tin liên quan đến sự kiện bảo hiểm xảy ra.

4.1.3. Hủy bỏ HĐBH hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.1.4. Từ chối bồi thường trong trường hợp không thuộc phạm vi trách nhiệm bảo hiểm hoặc trường hợp loại trừ trách nhiệm bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH và Quy tắc bảo hiểm này.

4.1.5. Giảm trừ bồi thường trong các trường hợp thuộc điều khoản giảm trừ quy định tại Quy tắc bảo hiểm này và theo thỏa thuận trong Hợp đồng bảo hiểm.

4.1.6. Yêu cầu Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm áp dụng các biện pháp đề phòng, hạn chế tổn thất theo quy định của Luật kinh doanh bảo hiểm và quy định khác của pháp luật có liên quan.

4.1.7. Yêu cầu người thứ ba bồi hoàn số tiền mà BIC đã bồi thường do người thứ ba có lỗi gây ra đối với xe ô tô được bảo hiểm.

4.1.8. Các quyền khác theo quy định của Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

4.2. Nghĩa vụ của BIC

4.2.1. Cung cấp cho Bên mua bảo hiểm Quy tắc bảo hiểm, GYCBH. Giải thích rõ ràng, đầy đủ cho Bên mua bảo hiểm về quyền lợi bảo hiểm, điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm khi giao kết HĐBH.

4.2.2. Cấp bộ hợp đồng bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm ngay sau khi giao kết.

4.2.3. Cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm cho Bên mua bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH và quy định của pháp luật có liên quan.

4.2.4. Trả tiền bồi thường bảo hiểm trong vòng 15 ngày kể từ khi nhận được hồ sơ yêu cầu bồi thường đầy đủ, hợp lệ; không quá 30 ngày trong trường hợp BIC phải tiến hành xác minh hồ sơ. Trong trường hợp hồ sơ bồi thường cần xác minh mà BIC không đủ thẩm quyền để thực hiện thì hồ sơ bồi thường được coi là đầy đủ và hợp lệ sau khi có kết luận chính thức của cơ quan chức năng có thẩm quyền. Sau 90 ngày kể từ ngày BIC có văn bản đề nghị cơ quan chức năng có thẩm quyền tiến hành xác minh mà chưa có kết quả xác minh thì BIC phải chủ động tiến hành xác minh, xem xét giải quyết bồi thường trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được.

4.2.5. Trường hợp từ chối bồi thường, BIC có trách nhiệm giải thích bằng văn bản lý do từ chối bồi thường trong thời hạn như nêu tại điểm 4.2.4 Điều này.

4.2.6. Đối với những vụ tổn thất nghiêm trọng hoặc đặc biệt nghiêm trọng, khi có yêu cầu của Chủ xe, BIC sẽ phối hợp giải quyết ngay và khi đã xác định trách nhiệm thuộc phạm vi bảo hiểm có thể tạm ứng một phần những chi phí cần thiết nhằm khắc phục hậu quả tổn thất.

4.2.7. Đánh giá lại rủi ro và tính toán lại phí bảo hiểm trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được thông báo thay đổi các yếu tố liên quan đến rủi ro của xe ô tô được bảo hiểm và có trách nhiệm hoàn phí hoặc thu thêm phí theo tỷ lệ tương ứng với thời hạn còn lại của HĐBH.

4.2.8. Bảo mật thông tin do Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm cung cấp, trừ trường hợp theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc được sự đồng ý của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm.

4.2.9. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

5.1. Quyền của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

5.1.1. Yêu cầu BIC cung cấp và giải thích các điều kiện, điều khoản bảo hiểm; cấp HĐBH.

5.1.2. Yêu cầu BIC cấp hóa đơn thu phí bảo hiểm theo thỏa thuận trong HĐBH và quy định của pháp luật có liên quan.

5.1.3. Hủy bỏ HĐBH hoặc đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH theo quy định của HĐBH, Luật kinh doanh bảo hiểm và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

5.1.4. Yêu cầu BIC bồi thường theo thoả thuận trong HĐBH khi xảy ra sự kiện bảo hiểm.

5.1.5. Chuyển giao HĐBH theo thoả thuận trong HĐBH hoặc theo quy định của pháp luật.

5.1.6. Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, dẫn đến giảm các rủi ro được bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm có quyền yêu cầu BIC giảm phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của HĐBH. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo cho BIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động,...). Trong vòng 05 ngày kể từ ngày nhận được văn bản yêu cầu giảm phí BIC phải có văn bản trả lời về việc chấp thuận hoặc không chấp thuận việc giảm phí bảo hiểm. Trong trường hợp BIC không chấp nhận giảm phí bảo hiểm thì Bên mua bảo hiểm có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH.

5.1.7. Các quyền khác theo quy định tại bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

5.2. Nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm

5.2.1. Kê khai đầy đủ, trung thực mọi thông tin có liên quan đến HĐBH theo yêu cầu của BIC.

5.2.2. Đọc và hiểu rõ điều kiện, điều khoản bảo hiểm, quyền, nghĩa vụ của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm khi giao kết HĐBH và nội dung khác của HĐBH.

5.2.3. Đóng phí bảo hiểm đầy đủ, theo thời hạn và phương thức đã thỏa thuận trong HĐBH.

5.2.4. Tạo điều kiện thuận lợi để BIC xem xét tình trạng xe ô tô trước khi cấp HĐBH.

Trong thời hạn bảo hiểm, trường hợp thay đổi mức độ rủi ro được bảo hiểm dẫn đến những yếu tố làm thay đổi cơ sở tính phí bảo hiểm, dẫn đến tăng các rủi ro được bảo hiểm, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo cho BIC trong vòng 15 ngày kể từ ngày có sự thay đổi đó (ví dụ: thay đổi mục đích sử dụng, kết cấu xe, phạm vi hoạt động,...). BIC có quyền tính lại phí bảo hiểm cho thời gian còn lại của HĐBH. Trong trường hợp Bên mua bảo hiểm không chấp nhận tăng phí bảo hiểm thì BIC có quyền đơn phương chấm dứt thực hiện HĐBH.

5.2.5. Tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

5.2.6. Khi xảy ra tổn thất, Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe phải có trách nhiệm:

- Thông báo ngay cho BIC để phối hợp giải quyết, tích cực cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, giữ nguyên và bảo vệ hiện trường tổn thất; thông báo cho cơ quan Công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất theo hướng dẫn của BIC (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Lái xe không được tự ý rời khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền).
- Không được di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC; trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.
- Trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng), Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm phải thông báo tổn thất bằng văn bản hoặc khai báo điện tử cho BIC.

5.2.7. Cung cấp trung thực các thông tin, tài liệu, chứng từ liên quan đến hồ sơ bồi thường và tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó; hợp tác với BIC trong quá trình phối hợp giải quyết bồi thường.

5.2.8. Trường hợp tổn thất xảy ra có liên quan đến trách nhiệm của Người thứ ba, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe phải thực hiện đúng theo các hướng dẫn của BIC để bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền đòi bồi thường cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ, chứng từ, tài liệu cần thiết và hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba trong phạm vi số tiền đã hoặc sẽ được BIC bồi thường.

Trường hợp người thứ ba đã bồi thường số tiền thấp hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ thanh toán phần chênh lệnh giữa số tiền bồi thường và số tiền Người được bảo hiểm đã nhận được từ người thứ ba. Trường hợp người thứ ba đã bồi thường bằng hoặc lớn hơn số tiền bồi thường theo tính toán của BIC, thì BIC sẽ không phải bồi thường cho Người được bảo hiểm.

5.2.9. Đối với các thiệt hại dẫn đến phải thay thế và được BIC chấp thuận bồi thường, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm sau khi thực hiện xong công việc thay thế phải có trách nhiệm bàn giao tài sản đã được thay thế cho BIC.

5.2.10. Khi xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp toàn bộ, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe phải thông báo ngay cho cơ quan công an và BIC được biết để xử lý và thực hiện các công việc theo hướng dẫn của cơ quan công an và BIC.

5.2.11. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Bộ Hợp đồng bảo hiểm và quy định của pháp luật.

Điều 6. Giám định tổn thất

6.1. Khi xảy ra tổn thất, BIC hoặc người được BIC ủy quyền thực hiện việc giám định tổn thất về tài sản với sự có mặt của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe (hoặc người đại diện được Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm ủy quyền), các bên có liên quan hoặc người đại diện hợp pháp của các bên có liên quan nhằm xác định nguyên nhân và mức độ tổn thất. Kết quả giám định phải lập thành văn bản có chữ ký (hoặc các hình thức xác nhận khác phù hợp với quy định pháp luật) của các bên liên quan. Chi phí giám định do BIC chi trả.

6.2. Trường hợp các bên không thống nhất về nguyên nhân và mức độ thiệt hại, có thể thỏa thuận trưng cầu giám định viên độc lập trừ trường hợp có thỏa thuận khác trong HĐBH. Nếu các bên không thỏa thuận được việc trưng cầu giám định viên độc lập thì một trong các bên được yêu cầu Toà án nơi xảy ra tổn thất hoặc nơi cư trú của Bên mua bảo hiểm chỉ định giám định độc lập. Kết luận của giám định độc lập có giá trị bắt buộc đối với các bên.

Nếu kết luận của giám định viên độc lập khác với kết luận giám định của BIC, BIC phải thanh toán chi phí giám định độc lập. Trường hợp kết luận của giám định viên độc lập trùng với kết luận giám định của BIC, Bên mua bảo hiểm hoặc Người được bảo hiểm phải thanh toán chi phí giám định độc lập.

6.3. Trong trường hợp đặc biệt, BIC không thể thực hiện được việc giám định thì BIC có trách nhiệm hướng dẫn Người được bảo hiểm/Lái xe thu thập đầy đủ thông tin chi tiết về nguyên nhân, diễn biến, mức độ thiệt hại cùng các chứng từ, ảnh chụp thiệt hại và tài liệu liên quan để làm căn cứ xác định bồi thường.

Điều 7. Hồ sơ bồi thường

Đối với từng vụ việc cụ thể thì Hồ sơ bồi thường bao gồm một hoặc nhiều loại tài liệu sau:

7.1. Tài liệu do Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm cung cấp:

7.1.1. Thông báo tổn thất và yêu cầu bồi thường (theo mẫu của BIC);

7.1.2. Tài liệu liên quan đến xe ô tô, lái xe ô tô (bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền hoặc bản photocopy có xác nhận của nhân viên BIC sau khi đã đối chiếu với bản gốc và/hoặc đối chiếu xác thực thông tin trên VneID, bản gốc/bản sao công chứng xác nhận của Ngân hàng về việc đang giữ Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô) bao gồm:

- Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, Giấy phép lái xe ô tô hợp lệ của lái xe xe ô tô bị tổn thất (đối với Giấy phép lái xe ô tô bắt buộc phải xuất trình bản gốc hoặc VneID để đối chiếu xác thực thông tin).
- Các giấy tờ liên quan đến mua bán, chuyển nhượng, cho, tặng, uỷ quyền sử dụng xe ô tô (nếu có).
- Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới hợp lệ (trừ trường hợp xe ô tô lưu hành tạm thời có văn bản chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền hoặc hoạt động trong thời gian thực hiện thủ tục đăng ký, kiểm định lần đầu tiên tại Việt Nam).

7.1.3. Tài liệu chứng minh thiệt hại về ô tô, bao gồm:

- Báo giá, hóa đơn, chứng từ hợp lệ về việc cứu hộ, khắc phục sửa chữa, thay mới tài sản bị thiệt hại.
- Các giấy tờ chứng minh chi phí cần thiết và hợp lý mà Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm đã chi ra để giảm thiểu tổn thất hay để thực hiện theo chỉ dẫn của BIC.

7.1.4. Tài liệu chứng minh thiệt hại về hàng hóa trên xe, bao gồm:

- Hợp đồng vận chuyển hàng hoá giữa chủ xe với chủ hàng.
- Các hoá đơn, chứng từ liên quan đến giá trị hàng hóa.
- Biên bản xác định mức độ tổn thất hàng hóa, phương án giải quyết.
- Biên bản ghi nhận phát sinh trách nhiệm bồi thường và thỏa thuận đền bù giữa chủ xe, lái xe với chủ hàng.
- Biên bản thanh lý hàng tổn thất (nếu có).
- Các chứng từ liên quan đến các chi phí phát sinh khác: ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất cho hàng hoá, bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi, giám định tổn thất...

7.1.5. Tài liệu chứng minh thiệt hại về người:

- Trường hợp bị thương: cung cấp các chứng từ y tế chứng minh mức độ thương tật của nạn nhân và hóa đơn/chứng từ thanh toán liên quan đến quá trình điều trị (nếu có).
- Trường hợp tử vong: cung cấp giấy chứng tử hoặc các tài liệu chứng minh nạn nhân bị tử vong.

7.1.6. Các tài liệu cần thiết để chuyển quyền cho BIC đòi bồi thường từ bên gây thiệt hại cho xe ô tô được bảo hiểm mà Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm đã được BIC giải quyết bồi thường thiệt hại này (trong trường hợp đòi người thứ ba).

7.2. Tài liệu do BIC phối hợp với Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm để thu thập (hoặc BIC hướng dẫn thu thập):

7.2.1. Ảnh chụp chứng minh tổn thất.

7.2.2. Biên bản giám định thiệt hại được các bên thống nhất.

7.2.3. Bản sao có xác nhận của cơ quan chức năng trong trường hợp tai nạn có sự tham gia giải quyết của cơ quan công an, tòa án, bao gồm:

- Thông báo sơ bộ kết quả điều tra ban đầu vụ tai nạn (nếu có).
- Biên bản giải quyết tai nạn.
- Bản kết luận điều tra tai nạn (nếu có).
- Biên bản thỏa thuận/hòa giải (trong trường hợp hòa giải).
- Bản án hoặc Quyết định có hiệu lực của Tòa án (nếu có).

7.2.4. Trường hợp xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp toàn bộ:

- Đơn trình báo xe bị trộm cắp, bị cướp với cơ quan công an có xác nhận của cơ quan công an.
- Quyết định khởi tố và điều tra hình sự (nếu có) liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm.
- Kết luận điều tra (nếu có) hoặc Quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố vụ án hình sự liên quan đến mất trộm, mất cướp xe ô tô được bảo hiểm.
- Khai báo bị mất giấy tờ, tài liệu liên quan đến xe bị trộm cắp, bị cướp khi để trên xe có xác nhận của cơ quan công an (nếu có).

7.2.5. Các tài liệu liên quan đến trách nhiệm của người thứ ba (nếu có).

7.2.6. Các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Điều 8. Thời hạn yêu cầu bồi thường, khiếu nại và thời hiệu khởi kiện

8.1. Thời hạn yêu cầu bồi thường là 01 năm kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm. Thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan khác không tính vào thời hạn yêu cầu bồi thường.

8.2. Thời hạn khiếu nại về quyết định bồi thường của BIC là 90 ngày kể từ ngày Người được bảo hiểm nhận được thông báo bồi thường của BIC. Quá thời hạn nêu trên, BIC sẽ không giải quyết khiếu nại, trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định của pháp luật.

8.3. Thời hiệu khởi kiện về HĐBH là 03 năm theo quy định của Bộ Luật dân sự hiện hành.

8.4. Mọi tranh chấp phát sinh từ HĐBH, nếu các bên không giải quyết được bằng thương lượng sẽ được đưa ra Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết.

Điều 9. Bảo hiểm trùng

Bảo hiểm trùng là trường hợp có từ hai HĐBH trở lên để bảo hiểm cho cùng phạm vi, đối tượng, thời hạn và sự kiện bảo hiểm mà tổng số tiền bảo hiểm vượt quá giá thị trường của tài sản được

bảo hiểm tại thời điểm giao kết HĐBH. Việc giải quyết bồi thường đối với trường hợp bảo hiểm trùng sẽ thực theo các nguyên tắc sau:

9.1. Đối với những phạm vi bảo hiểm được cấp trùng của các HĐBH, BIC chỉ chịu trách nhiệm bồi thường theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm của HĐBH cấp bởi/ký kết với BIC trên tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các HĐBH mà Bên mua đã tham gia bảo hiểm và đang còn hiệu lực tại thời điểm xảy ra tổn thất.

9.2. Đối với những phạm vi bảo hiểm không trùng nhau của các HĐBH (nếu có), BIC sẽ giải quyết bồi thường độc lập theo HĐBH đã cấp/ký kết.

Điều 10. Điều khoản bổ sung

Ngoài các quy định tại Quy tắc bảo hiểm này, Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm lựa chọn tham gia thêm các điều khoản bổ sung của BIC. Các điều khoản bổ sung chỉ được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm có yêu cầu và đã đóng phụ phí bảo hiểm bổ sung (nếu có) và được BIC chấp nhận. Các điều khoản bổ sung sẽ được quy định cụ thể trên HĐBH/GCNBH.

Điều 11. Những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung (áp dụng cho Chương II, Chương III, Chương IV, Chương V)

11.1. Hành động cố ý gây thiệt hại của Bên mua bảo hiểm, Người được bảo hiểm, lái xe, những người có quyền lợi liên quan đến sở hữu, chiếm hữu, khai thác, sử dụng xe ô tô, thụ hưởng quyền lợi bảo hiểm.

11.2. Tại thời điểm xảy ra tổn thất, xe đang hoạt động nhưng không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới (gọi tắt là Đăng kiểm) hợp lệ hoặc Đăng kiểm không còn hiệu lực, không phù hợp theo quy định của pháp luật hiện hành hoặc thông số kỹ thuật thực tế của xe không trùng khớp với thông số kỹ thuật ghi trên Đăng kiểm (trừ các trường hợp thay đổi thông số lốp và/hoặc đường kính lazang của xe phù hợp với thông số kỹ thuật theo khuyến cáo của nhà sản xuất) trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

11.3. Lái xe không đủ điều kiện về độ tuổi theo quy định của Luật giao thông đường bộ, lái xe không có Giấy phép lái xe hoặc Giấy phép lái xe không phù hợp đối với loại xe ô tô bắt buộc phải có Giấy phép lái xe (Giấy phép lái xe bao gồm: Giấy phép lái xe, bằng hoặc chứng chỉ nghề điều khiển thiết bị chuyên dùng). Trường hợp lái xe ô tô bị tước quyền sử dụng Giấy phép lái xe ô tô có thời hạn hoặc không thời hạn, hoặc bị tạm giữ Giấy phép lái xe ô tô mà quá lịch hẹn của cơ quan công an nhưng lái xe không đến giải quyết thì được coi là không có Giấy phép lái xe ô tô.

11.4. Lái xe ô tô trong tình trạng có nồng độ cồn vượt quá 50mg/100ml máu hoặc 0,25mg/1 lít khí thở; hoặc sử dụng ma túy, chất kích thích bị cấm theo quy định của pháp luật.

11.5. Xe ô tô đi vào đường cấm, khu vực cấm, đường ngược chiều (đi ngược chiều của đường một chiều, đi ngược chiều trên đường có biển "Cấm đi ngược chiều"), rẽ, quay đầu tại nơi bị cấm, không chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông hoặc không chấp hành theo hiệu lệnh của người điều khiển giao thông, xe ô tô đi đêm không có thiết bị chiếu sáng theo quy định, xe ô tô dừng, đỗ, lùi trái quy định trên cầu hoặc trên đường cao tốc bao gồm cả đường ra, vào đường cao tốc (trừ trường hợp bất khả kháng).

11.6. Xe hoạt động, dừng, đỗ trong phạm vi an toàn của đường sắt theo quy định của pháp luật hiện hành.

11.7. Đua xe ô tô (hợp pháp hoặc trái phép) hoặc xe ô tô được bảo hiểm dùng để kéo xe ô tô khác không tuân thủ quy định của pháp luật.

11.8. Xe ô tô chở hàng trái phép hoặc không thực hiện đầy đủ các quy định an toàn về vận chuyển, xếp dỡ hàng hóa.

11.9. Tổn thất xảy ra ngoài lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trừ khi có thỏa thuận khác.

11.10. Tổn thất phát sinh từ chiến tranh, khủng bố.

11.11. Xe ô tô chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng, kéo quá khối lượng kéo theo cho phép hoặc chở quá số lượng người (không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi) trên 50% theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

11.12. Xe chạy vượt quá 50% tốc độ cho phép theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II: BẢO HIỂM VẬT CHẤT XE Ô TÔ

Điều 12. Phạm vi bảo hiểm

12.1. BIC chịu trách nhiệm bồi thường cho Người được bảo hiểm những thiệt hại vật chất do thiên tai, tai nạn bất ngờ, không lường trước được trong những trường hợp sau:

- Đâm, va, lật, đổ, chìm, rơi toàn bộ xe ô tô; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào;
- Hành động ác ý không phải của Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe.
- Hỏa hoạn, cháy, nổ.
- Những tai họa bất khả kháng do thiên nhiên gây ra.
- Mất toàn bộ xe ô tô do trộm, cướp.

12.2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán những chi phí cần thiết và hợp lý phát sinh để thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BIC khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm, bao gồm:

- Chi phí ngăn ngừa hạn chế tổn thất phát sinh thêm.
- Chi phí cứu hộ và vận chuyển xe ô tô bị thiệt hại tới nơi sửa chữa gần nhất (không vượt quá 10% số tiền bảo hiểm).

12.3. Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường của BIC đối với một vụ tổn thất không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH.

Điều 13. Những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm áp dụng riêng đối với bảo hiểm vật chất ô tô

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường bảo hiểm trong các trường hợp sau:

13.1. Những vụ tổn thất thuộc loại trừ bảo hiểm chung quy định tại Điều 11 Quy tắc này.

13.2. Tổn thất do hao mòn tự nhiên hoặc do bản chất vốn có của tài sản, giảm giá trị thương mại, hỏng hóc do khuyết tật hoặc hỏng hóc thêm do sửa chữa, trong quá trình sửa chữa, bảo dưỡng (bao gồm cả chạy thử).

13.3. Hư hỏng động cơ do xe hoạt động trong vùng hoặc đường đang bị ngập nước hoặc do nước lọt vào động cơ gây nên hiện tượng thủy kích đối với động cơ đốt trong hoặc gây hư hỏng động cơ điện của xe ô tô điện (trừ trường hợp xe đang hoạt động bị tai nạn bất ngờ đâm xuống ao, hồ, sông, suối hoặc các trường hợp tương tự khác dẫn đến hư hỏng động cơ), trừ khi có thỏa thuận khác.

13.4. Tổn thất đối với săm lốp, bạt thùng xe ô tô, nhãn mác, logo biểu tượng, tem chữ, ốp chụp lazang, chìa khóa cơ/chìa khóa điện/điều khiển điện của xe, tấm lót gầm trừ trường hợp tổn thất xảy ra do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe ô tô trong cùng một vụ tai nạn.

13.5. Mất bộ phận của xe ô tô do bị trộm cắp hoặc bị cướp, trừ khi có thỏa thuận khác.

13.6. Mất toàn bộ xe ô tô trong trường hợp lừa đảo hoặc lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt xe ô tô (xe ô tô cho thuê hoặc xe ô tô cho mượn hoặc siết nợ hoặc tranh chấp).

13.7. Thiệt hại xảy ra đối với máy móc, dụng cụ điện hay các bộ phận của thiết bị điện, điện tử,

dây dẫn điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào ngoại trừ nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm.

13.8. Tổn thất các thiết bị lắp thêm trên xe ô tô ngoài các thiết bị của nhà sản xuất đã lắp ráp (không bao gồm các thiết bị mang tính chất bảo vệ cho xe ô tô: hệ thống báo động, cản trước, cản sau), trừ khi có thỏa thuận khác.

13.9. Tổn thất do hàng hóa, vật phẩm chở trên xe gây thiệt hại cho chính chiếc xe đó mà không xuất phát từ nguyên nhân: đâm, va đập, lật, đổ xe.

13.10. Tổn thất với xe ô tô điện, xe ô tô lai điện:

- Do bộ pin điện động cơ gây ra trong mọi trường hợp.
- Do sử dụng các thiết bị không đồng bộ, không tương thích theo quy định của nhà sản xuất.
- Do thao tác của Người được bảo hiểm/Lái xe/Nhân viên kỹ thuật không tuân thủ theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất trong quá trình sử dụng, kiểm tra, bảo dưỡng, thay thế, lắp ráp.

13.11. Thiệt hại về động cơ điện, các bộ phận máy móc, thiết bị điện do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng, hồ quang điện hay rò điện hoặc do bất kỳ nguyên nhân nào không thuộc phạm vi bảo hiểm nêu tại Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm này.

Điều 14. Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm trừ bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

14.1. Giảm 10% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thông báo tổn thất cho BIC bằng văn bản hoặc khai báo điện tử trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng).
- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo kịp thời cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất theo hướng dẫn của BIC (trừ trường hợp bất khả kháng).

14.2. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Lái xe tự ý rời khỏi hiện trường (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan chức năng có thẩm quyền).
- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe tự ý di chuyển, tháo gỡ hoặc sửa chữa tài sản khi chưa có ý kiến chấp thuận của BIC (trừ trường hợp cần thiết để đảm bảo an toàn, đề phòng hạn chế thiệt hại về người và tài sản hoặc phải thi hành theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền).
- Lái xe ô tô vi phạm vượt quá tốc độ cho phép từ 20% đến 50%.

14.3. Giảm 50% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

- Không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ, hồ sơ yêu cầu bồi thường.
- Không hợp tác trong quá trình phối hợp giải quyết bồi thường.
- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe thiếu trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường.

14.4. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong trường hợp sau:

Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không bảo lưu quyền

khiếu nại và chuyển quyền đòi người thứ ba cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để đòi lại người thứ ba hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BIC không theo hướng dẫn hoặc khi chưa có ý kiến của BIC.

14.5. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng, kéo quá khối lượng kéo theo cho phép, chở quá số người (từ trên 20% đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

14.6. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: Khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

Điều 15. Mức khấu trừ

- Mức khấu trừ là số tiền được quy định trên HĐBH mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi vụ tổn thất bộ phận của xe ô tô.
- BIC không bồi thường các mức khấu trừ được quy định trên HĐBH đối với mỗi tổn thất sau khi đã áp dụng tất cả các điều kiện, điều khoản của HĐBH.
- Mức khấu trừ được quy định cụ thể trên HĐBH, tối thiểu là 500.000 đồng/vụ tổn thất.

Điều 16. Số tiền bảo hiểm, giá trị khai báo, giá thị trường

16.1. Số tiền bảo hiểm: là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu BIC bảo hiểm cho xe ô tô của mình và được ghi trên HĐBH. Bên mua bảo hiểm có thể thỏa thuận với BIC tham gia bảo hiểm với số tiền bảo hiểm bằng hoặc thấp hơn giá thị trường của xe ô tô.

16.2. Giá trị khai báo: là giá trị xe ô tô mà Bên mua bảo hiểm kê khai trên GYCBH và được ghi trên HĐBH. Trường hợp giá trị khai báo thấp hơn hoặc cao hơn giá thị trường thì giá thị trường sẽ là cơ sở để BIC giải quyết bồi thường.

16.3. Giá thị trường: là giá trị thực tế của xe ô tô tại thời điểm giao kết Hợp đồng bảo hiểm:

- Đối với xe ô tô mới (100%): giá thị trường là giá bán xe do các hãng sản xuất trong nước công bố tại thị trường Việt Nam, hoặc giá xe ô tô nhập khẩu đã bao gồm tất cả các loại thuế theo quy định của Nhà nước.
- Đối với xe ô tô đã qua sử dụng: giá thị trường là giá xe ô tô mua bán trên thị trường của xe ô tô cùng chủng loại (cùng hãng sản xuất, mẫu xe, năm sản xuất, thông số kỹ thuật, mục đích sử dụng, thời gian sử dụng).

Điều 17. Giải quyết quyền lợi bảo hiểm

17.1. Bồi thường tổn thất bộ phận:

17.1.1. BIC sẽ chịu trách nhiệm thanh toán chi phí thực tế hợp lý để:

- Sửa chữa, thay thế (trường hợp không thể sửa chữa được) bộ phận hoặc trả bằng tiền cho Người được bảo hiểm để bù đắp tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm trên cơ sở xác định được chi phí hợp lý để sửa chữa, khắc phục tổn thất có thể phải trả,
- Thực hiện các công việc theo yêu cầu và chỉ dẫn của BIC khi xảy ra tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm như quy định ở Khoản 12.2 Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm này,

sau khi áp dụng các điều kiện, điều khoản bảo hiểm bao gồm cả mức khấu trừ (nếu có).

17.1.2. Cách xác định số tiền bồi thường:

- Trường hợp số tiền bảo hiểm nhỏ hơn giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm giao kết hợp đồng (bảo hiểm dưới giá trị), số tiền bồi thường sẽ được tính theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá thị trường nêu trên.
- Trường hợp số tiền bảo hiểm bằng hoặc lớn hơn giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm giao kết hợp đồng, số tiền bồi thường bằng chi phí hợp lý để phục hồi, sửa chữa xe ô tô bị tổn thất.

- Cách xác định chi phí hợp lý cho bộ phận bị tổn thất phải thay thế mới được tính bằng chi phí thay thế thực tế trừ đi số tiền khấu hao (trừ trường hợp HĐBH có điều khoản bảo hiểm mới thay cũ). Tỷ lệ khấu hao cụ thể như sau:

Thời gian sử dụng xe	Tỷ lệ khấu hao	
	Xe không kinh doanh	Xe kinh doanh
Dưới 36 tháng	0%	0%
Từ 36 tháng đến dưới 72 tháng	15%	25%
Từ 72 tháng đến dưới 120 tháng	25%	35%
Từ 120 tháng đến dưới 180 tháng	35%	45%
Từ 180 tháng trở lên	50%	70%

  - Các loại xe ô tô chuyên dùng, xe chở hàng được tính theo tỷ lệ khấu hao của "Xe kinh doanh".
  - Đối với các loại xe buýt, xe kinh doanh vận tải hành khách chạy tuyến cố định/nội tỉnh/liên tỉnh, xe cho thuê tự lái, xe taxi:
    - Xe có thời gian sử dụng dưới 36 tháng: áp dụng tỷ lệ khấu hao 15%.
    - Xe có thời gian sử dụng từ 36 tháng trở lên: áp dụng tỷ lệ khấu hao bằng 150% tỷ lệ khấu hao của xe kinh doanh tương ứng với thời gian sử dụng.
  - BIC không tính khấu hao đối với các phụ tùng hư hỏng là kính, mặt gương.
  - Trong mọi trường hợp (kể cả trường hợp HĐBH có điều khoản bảo hiểm mới thay cũ), BIC sẽ tính khấu hao các vật tư, phụ tùng dưới đây bị tổn thất phải thay mới:
    - Gas của hệ thống điều hòa nhiệt độ, nước mát, dầu bôi trơn, ắc quy, bạt thùng, gioăng phớt, các loại lọc (lọc gió, lọc xăng, lọc dầu): áp dụng tỷ lệ khấu hao 30% đối với xe có thời gian sử dụng dưới 12 tháng và 50% đối với xe có thời gian sử dụng 12 tháng trở lên.
    - Săm, lốp, tem nhãn mác: áp dụng tỷ lệ khấu hao 20% đối với xe có thời gian sử dụng dưới 12 tháng, 30% đối với xe có thời gian sử dụng từ 12 tháng đến dưới 36 tháng và 50% đối với xe có thời gian sử dụng 36 tháng trở lên.

17.1.3. BIC bồi thường chi phí sơn lại toàn bộ xe ô tô nếu trên 50% diện tích sơn của xe ô tô bị tổn thất thuộc phạm vi bảo hiểm và theo nguyên tắc xác định số tiền bồi thường nêu trên.

17.2. Bồi thường tổn thất toàn bộ

- BIC bồi thường tổn thất toàn bộ trong trường hợp xe ô tô bị tổn thất có chi phí như quy định tại điểm 17.1.1 Điều 17 của Quy tắc bảo hiểm này hoặc thiệt hại ước tính bằng hoặc trên 75% giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm xảy ra tổn thất.
- BIC có trách nhiệm bồi thường tổn thất toàn bộ xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp khi có kết luận của cơ quan công an/bản án của Tòa án hoặc quyết định đình chỉ điều tra, đình chỉ khởi tố hình sự của cơ quan công an có thẩm quyền liên quan đến mất trộm, bị cướp của chính chiếc xe ô tô đó.
- Số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ bằng giá thị trường của xe ô tô tại thời điểm, nơi xảy ra tổn thất và không vượt quá số tiền bảo hiểm ghi trên HĐBH.

17.3. Thu hồi tài sản sau bồi thường

Khi BIC đã bồi thường tổn thất bộ phận hoặc toàn bộ xe ô tô theo hình thức thay thế bằng tài sản hoặc trả tiền bồi thường thì bộ phận hư hỏng hoặc toàn bộ xe ô tô đó thuộc quyền sở hữu của BIC, cụ thể:

- Đối với trường hợp bồi thường tổn thất bộ phận, BIC sẽ thu hồi bộ phận hư hỏng đã được trả tiền bồi thường thay mới (kể cả trường hợp trừ khấu hao).

- Đối với trường hợp bồi thường tổn thất toàn bộ, sau khi BIC đã bồi thường toàn bộ xe ô tô thì toàn bộ giá trị thu hồi chiếc xe ô tô bị tổn thất thuộc sở hữu của BIC. Trường hợp tham gia bảo hiểm dưới giá trị hoặc bảo hiểm trùng thì BIC thu hồi phần giá trị tương đương theo tỷ lệ tham gia bảo hiểm. Trường hợp Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm có yêu cầu nhận lại chiếc xe ô tô bị tổn thất toàn bộ, BIC sẽ giảm trừ số tiền bồi thường tổn thất toàn bộ tương đương giá trị thu hồi chiếc xe ô tô bị tổn thất theo định giá của BIC hoặc cơ quan chức năng do BIC chỉ định.
- Đối với trường hợp bồi thường xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp, BIC đã bồi thường toàn bộ xe ô tô mà sau đó tìm được xe ô tô bị trộm cắp, bị cướp thì BIC được quyền sở hữu toàn bộ chiếc xe ô tô đó.

17.4. Điều chỉnh số tiền bồi thường

Số tiền bồi thường sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ giữa số phí thực nộp và số phí phải nộp theo quy định trong trường hợp:

- Bên mua bảo hiểm kê khai GYCBH sai/thiếu thông tin làm cơ sở để tính phí bảo hiểm (không đúng mục đích sử dụng của xe ô tô, loại xe, tải trọng) dẫn đến thu thiếu phí bảo hiểm so với quy định.
- Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm không thông báo cho BIC trong trường hợp có sự gia tăng mức độ rủi ro bảo hiểm để bổ sung phí bảo hiểm (chuyển đổi mục đích sử dụng, hoán cải, nâng cấp làm tăng giá trị xe ô tô).

17.5. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ:

Nếu thiệt hại thuộc trường hợp áp dụng đồng thời giảm trừ bồi thường quy định tại Điều 14, mức khấu trừ chung tại Điều 15 và khấu trừ riêng của điều khoản bổ sung quy định trên HĐBH thì thứ tự áp dụng như sau: áp dụng mức khấu trừ riêng của điều khoản bổ sung trước sau đó áp dụng mức khấu trừ chung tại Điều 15 (cho các hạng mục tổn thất không có quy định mức khấu trừ riêng) và cuối cùng áp dụng giảm trừ bồi thường tại Điều 14.

Điều 18. Một số quy định đặc biệt

Với loại xe Bên mua bảo hiểm kê khai trên Giấy yêu cầu bảo hiểm và được BIC bảo hiểm sẽ áp dụng các quy định sau đây:

18.1. Bảo hiểm thiệt hại vật chất cho xe ô tô lưu hành tạm thời

Đối với xe ô tô mới 100% (chưa đăng ký/đăng kiểm) lưu hành tạm thời, BIC đồng ý không áp dụng điểm loại trừ 11.2 Điều 11 nêu trên và bồi thường cho các tổn thất trong thời gian từ xưởng sản xuất, kho hải quan đến nơi giao nhận xe, hoặc trong thời gian làm thủ tục nộp thuế trước bạ, đăng ký xe, đăng kiểm đối với xe ô tô với điều kiện:

- Xe ô tô mới xuất xưởng phải có Phiếu kiểm tra chất lượng xuất xưởng.
- Xe ô tô nhập khẩu từ kho, cảng phải có Chứng chỉ chất lượng xe nhập khẩu và hồ sơ hoàn tất thủ tục hải quan.

Thời hạn bảo hiểm áp dụng cho thiệt hại vật chất xe ô tô lưu hành tạm thời được quy định cụ thể trên HĐBH/GCNBH, tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu thời hạn bảo hiểm.

18.2. Bảo hiểm cho bộ pin điện động cơ của xe ô tô điện, xe ô tô lai điện

Bộ pin điện động cơ của xe ô tô điện, xe ô tô lai điện (gọi tắt là pin xe điện) sẽ được BIC bảo hiểm theo các quy định sau:

18.2.1. BIC sẽ không bảo hiểm trong các trường hợp:

- Tổn thất pin xe điện không do cùng một nguyên nhân và đồng thời với các bộ phận khác của xe trong cùng một vụ tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm quy định tại điểm 12.1 Điều 12 nêu trên.
- Pin xe điện không do nhà sản xuất xe phân phối và lắp đặt chính hãng.

- Thời gian sử dụng tính đến thời điểm xảy ra tổn thất từ 6 năm trở lên.
- Thiệt hại xảy ra do chạy quá tải, quá áp lực, đoản mạch, tự đốt nóng.
- Tổn thất do lỗi kỹ thuật, hao mòn tự nhiên, hư hỏng do khả năng hấp thụ sạc.
- Mất trộm, mất cắp (kể cả trong trường hợp HĐBH có điều khoản bổ sung "Bảo hiểm xe bị trộm cắp, bị cướp bộ phận")

18.2.2. Áp dụng khấu hao đối với bộ pin xe điện (Quy định này luôn áp dụng kể cả trong trường hợp xe tham gia ĐKBS 03: Điều khoản bảo hiểm mới thay cũ).

Thời gian sử dụng Pin	Xe không kinh doanh	Xe kinh doanh
Dưới 01 năm	10%	20%
Từ 01 năm đến dưới 03 năm	20%	35%
Từ 03 năm đến dưới 06 năm	40%	60%

18.2.3. Mức khấu trừ pin xe điện được quy định cụ thể tại HĐBH/GCNBH.

18.3. Bảo hiểm đối với xe và thiết bị chuyên dùng

BIC sẽ không bồi thường thiệt hại đối với xe và thiết bị chuyên dùng trong các trường hợp sau:

- Chủ xe không khai báo thông tin về thiết bị chuyên dùng trong GYCBH hoặc không được quy định trên HĐBH/GCNBH.
- Xe chuyên dùng không được bảo dưỡng và vận hành đúng hướng dẫn, tiêu chuẩn kỹ thuật của nhà sản xuất.
- Xe chuyên dùng chở quá tải trọng, cẩu quá tải trọng theo quy định trên Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.
- Người điều khiển xe chuyên dùng không có Giấy phép/Chứng chỉ vận hành/điều khiển thiết bị chuyên dùng hợp lệ và phù hợp với loại thiết bị được giao quản lý, sử dụng.
- Thiết bị chuyên dùng bị tổn thất khi đang vận hành/hoạt động mà không có Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật/Giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật hoặc các loại giấy tờ tương đương theo quy định của pháp luật.

18.4. Bảo hiểm cho xe/máy trộn, bơm bê tông/xi măng

BIC không bảo hiểm cho những tổn thất, thiệt hại gây ra bởi sự đông cứng của bê tông/xi măng trong bồn chứa/đường ống/thiết bị bơm của xe/máy cũng như những chi phí để phá vỡ và di chuyển khối bê tông/xi măng này.

Trường hợp có thỏa thuận riêng trong HĐBH, BIC sẽ đồng ý chi trả cho các chi phí để phá vỡ và di chuyển khối bê tông/xi măng này do các nguyên nhân tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm quy định tại Điều 12 của Quy tắc bảo hiểm này:

- Hạn mức bồi thường tối đa 15.000.000 đồng/vụ và trong suốt thời hạn bảo hiểm
- Mức khấu trừ 1.500.000 đồng/vụ.

18.5. Bảo hiểm cho xe tập lái

BIC đồng ý mở rộng bảo hiểm cho các xe sử dụng để tập lái tại các Trung tâm đào tạo lái xe có giấy phép hoạt động, đủ điều kiện theo quy định của pháp luật mà không yêu cầu lái xe tại thời điểm xảy ra tổn thất phải có Giấy phép lái xe.

Tuy nhiên, BIC sẽ không bồi thường cho các trường hợp sau:

- Học viên không có Thẻ học viên/Giấy phép tập lái xe tập lái;
- Xe tập lái không có giáo viên thực hành ngồi bên cạnh người tập lái;
- Giáo viên dạy thực hành không đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.
- Xe không có biển "Tập lái" theo quy định;
- Xe tập lái không trang bị thêm bộ phận phanh phụ theo quy định.

CHƯƠNG III:
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM BỒI THƯỜNG ĐỐI VỚI LÁI PHỤ XE VÀ NGƯỜI NGỒI TRÊN XE Ô TÔ

Điều 19. Đối tượng được bảo hiểm

Là trách nhiệm bồi thường của chủ xe ô tô đối với lái xe, phụ xe và những người khác được chở trên xe ô tô (sau đây gọi là "Người ngồi trên xe).

Điều 20. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm

Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu BIC bảo hiểm cho mỗi người được phép chở trên xe theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới. Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm, số Người ngồi trên xe ghi trên HĐBH.

Điều 21. Phạm vi bảo hiểm

Trừ những điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm quy định tại Điều 22 dưới đây, BIC sẽ thay mặt Chủ xe bồi thường trong trường hợp Người ngồi trên xe bị tử vong, tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe.

"Tai nạn" được hiểu là một lực bất ngờ, ngoài ý muốn của Người ngồi trên xe, từ bên ngoài tác động lên thân thể Người ngồi trên xe và là nguyên nhân trực tiếp duy nhất làm cho Người ngồi trên xe bị tử vong hoặc bị tổn thương, thương tật cơ thể.

Điều 22. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC sẽ không có trách nhiệm bảo hiểm trong các trường hợp sau:

22.1. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm chung nêu tại Điều 11 Quy tắc này, trong đó Điểm 11.3, 11.4 chỉ áp dụng với lái xe.

22.2. Xe không tự vận hành mà do một phương tiện khác kéo, đẩy dưới bất kỳ hình thức nào (không áp dụng đối với lái xe).

22.3. Người ngồi trên xe tham gia đánh nhau trừ trường hợp là hành động cứu người, bảo vệ tài sản hoặc tự vệ.

Điều 23. Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm trừ số tiền bồi thường trong trường hợp sau đây:

Tại thời điểm xảy ra tai nạn, số người trên xe ô tô thực tế nhiều hơn không quá 50% số chỗ quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc theo quy định của pháp luật thì số tiền bồi thường sẽ tính theo tỷ lệ giữa số chỗ với số người thực tế trên xe. Trong trường hợp này, số người thực tế trên xe tại thời điểm xảy ra tai nạn không bao gồm trẻ em dưới 07 tuổi và không xem xét trong tình huống chở người đi cấp cứu, áp giải người vi phạm pháp luật (trẻ em dưới 07 tuổi được hưởng đầy đủ quyền lợi bảo hiểm).

Điều 24. Quy định về bồi thường

24.1. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tử vong: BIC bồi thường 100% Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HĐBH.

24.2. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể:

24.2.1. Nếu giới hạn trách nhiệm bảo hiểm đến 100 (một trăm) triệu đồng/người/vụ: BIC bồi

thường bằng Tỷ lệ trả tiền nhân (x) với Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm. Tỷ lệ trả tiền được quy định chi tiết tại "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể" của BIC được ban hành kèm theo Quyết định số 0756/QĐ-PHH ngày 25/03/2024 (sau đây gọi là "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể").

24.2.2. Nếu giới hạn trách nhiệm bảo hiểm trên 100 (một trăm) triệu đồng/người/vụ.

a. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể vĩnh viễn: BIC bồi thường bằng Tỷ lệ trả tiền nhân (x) với Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm. Tỷ lệ trả tiền được quy định chi tiết tại "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể".

b. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể tạm thời: BIC sẽ bồi thường:

- Các chi phí hợp lý và cần thiết liên quan đến chẩn đoán và điều trị theo chỉ định của bác sĩ phát sinh khi Người ngồi trên xe bị tai nạn; chi phí cho dịch vụ vận chuyển cấp cứu.
- Chi bồi dưỡng trong thời gian điều trị: 0,1% nhân (x) Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm nhân (x) số ngày nghỉ điều trị theo chỉ định của bác sĩ (tối đa 180 ngày/năm).
- Trong mọi trường hợp, tổng số tiền bồi thường không vượt quá Tỷ lệ trả tiền nhân (x) với Giới hạn trách nhiệm bảo hiểm. Tỷ lệ trả tiền được quy định chi tiết tại "Bảng tỷ lệ trả tiền bảo hiểm tổn thương, thương tật cơ thể".

24.2.3. Trường hợp Người ngồi trên xe bị tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn đã được BIC bồi thường quyền lợi bảo hiểm, trong vòng 365 ngày kể từ ngày xảy ra tai nạn, nếu Người ngồi trên xe bị tử vong do hậu quả của tai nạn nêu trên, BIC bồi thường thêm phần chênh lệch giữa số tiền bồi thường trong trường hợp Người ngồi trên xe tử vong với số tiền đã bồi thường trước đó.

24.2.4. Trường hợp hậu quả của tai nạn thuộc phạm vi bảo hiểm bị trầm trọng hơn do bệnh tật hoặc sự tàn tật có sẵn của Người ngồi trên xe hoặc điều trị thương tật thân thể không kịp thời và không theo chỉ dẫn của cơ sở y tế thì BIC bồi thường tiền bảo hiểm như đối với loại thương tật tương tự ở người có sức khỏe bình thường được điều trị một cách hợp lý.

24.3. BIC sẽ bồi thường bảo hiểm theo thứ tự ưu tiên như sau: Người ngồi trên xe, người thừa kế hợp pháp của Người ngồi trên xe, Người được bảo hiểm trong trường hợp Người được bảo hiểm đã bồi thường cho nạn nhân.

Điều 25. Quy định bảo hiểm cho Người ngồi trên xe

BIC mở rộng phạm vi bảo hiểm tại Điều 21 Quy tắc bảo hiểm tự nguyện xe ô tô trong trường hợp Chủ xe bị tử vong, tổn thương, thương tật cơ thể do tai nạn khi đang ở trên xe hoặc đang lên, xuống xe.

CHƯƠNG IV:
BẢO HIỂM TỰ NGUYỆN TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ CỦA CHỦ XE Ô TÔ

Điều 26. Điều kiện

Các bên thỏa thuận và đồng ý rằng, ngoài việc phải tuân thủ các nội dung Điều 27, 28 dưới đây, trách nhiệm bảo hiểm của BIC đối với bảo hiểm này chỉ phát sinh nếu các điều kiện sau được thỏa mãn:

26.1. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm, HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô theo quy định pháp luật đang có hiệu lực.

26.2. Số tiền mà Chủ xe/Người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường vượt quá số tiền bồi thường căn cứ theo giới hạn trách nhiệm bảo hiểm của HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô.

26.3. Tuân thủ các nội dung, điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 7; khoản 1, khoản 4, khoản 7, khoản 10 Điều 12; Điều 13 của Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06/09/2023 của Chính Phủ

hoặc các nội dung, điều kiện quy định tại các văn bản pháp luật hiện hành liên quan đến Nghị định số 67/2023/NĐ-CP.

Điều 27. Phạm vi bảo hiểm

BIC có trách nhiệm bồi thường cho những thiệt hại phát sinh vượt quá số tiền bồi thường của HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, bao gồm:

27.1. Thiệt hại ngoài hợp đồng về sức khỏe, tính mạng và tài sản đối với người thứ ba do xe ô tô tham gia giao thông, hoạt động gây ra.

27.2. Thiệt hại về sức khỏe, tính mạng của hành khách trên chiếc xe ô tô đó do xe tham gia giao thông, hoạt động gây ra.

Điều 28. Mức bồi thường

Mức bồi thường bảo hiểm của BIC được quy định như sau:

28.1. Mức bồi thường cụ thể về sức khỏe, tính mạng:

28.1.1. Trường hợp giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện về người đến 100 triệu đồng: mức bồi thường của BIC được xác định như dưới đây, tùy số nào nhỏ hơn:

- Tỷ lệ tổn thương (quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP) x (nhân) giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện. Trường hợp vụ tai nạn được cơ quan có thẩm quyền xác định nguyên nhân do lỗi hoàn toàn của người thứ ba: 50% nhân (x) Tỷ lệ tổn thương (quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP) x (nhân) giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện.

- Theo thỏa thuận (nếu có) giữa người được bảo hiểm và người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

- Căn cứ vào quyết định của Tòa án (trường hợp có quyết định của Tòa án) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

28.1.2. Trường hợp giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện về người trên 100 triệu đồng: mức bồi thường của BIC được xác định theo một trong ba trường hợp dưới đây, tùy số nào nhỏ hơn:

- Trường hợp 1: tổng số tiền của 2 khoản dưới đây:
  - Được xác định theo khoản 28.1.1 nêu trên tương ứng với giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện là 100 triệu đồng.
  - Tỷ lệ lỗi của chủ xe ô tô tham gia bảo hiểm tại BIC x (nhân) tỷ lệ tổn thương (quy định tại Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 67/2023/NĐ-CP) x (nhân) [giới hạn trách nhiệm bảo hiểm tự nguyện trừ (–) 100 triệu đồng].

- Trường hợp 2: theo thỏa thuận (nếu có) giữa Người được bảo hiểm và người bị thiệt hại hoặc người thừa kế của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại đã chết) hoặc đại diện của người bị thiệt hại (trong trường hợp người bị thiệt hại mất năng lực hành vi dân sự theo quyết định của Tòa án hoặc chưa thành niên theo quy định của Bộ luật Dân sự) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

- Trường hợp 3: căn cứ vào quyết định của Tòa án (trường hợp có quyết định của Tòa án) - (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

28.2. Mức bồi thường cụ thể về thiệt hại đối với tài sản trong một vụ tổn thất được xác định theo thiệt hại thực tế x (nhân) tỷ lệ lỗi của chủ xe ô tô tham gia bảo hiểm tại BIC – (trừ) số tiền bồi thường theo HĐBH bắt buộc trách nhiệm dân sự.

28.3. Trong mọi trường hợp, mức bồi thường của BIC đối với một vụ tổn thất không vượt quá giới hạn trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HĐBH.

CHƯƠNG V:
BẢO HIỂM TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI HÀNG HÓA VẬN CHUYỂN TRÊN XE Ô TÔ

Điều 29. Mức trách nhiệm bảo hiểm và giá trị hàng hóa vận chuyển

Mức trách nhiệm bảo hiểm là số tiền mà Bên mua bảo hiểm yêu cầu BIC bảo hiểm cho trách nhiệm dân sự của Người được bảo hiểm đối với hàng hóa vận chuyển trên xe và được ghi trên HĐBH.

Giá trị hàng hóa vận chuyển được tính tại thời điểm trước khi đưa hàng lên xe.

Giới hạn trách nhiệm bồi thường không vượt quá giá trị thực tế trên thị trường tại nơi đưa hàng lên xe vào thời điểm xảy ra tổn thất.

Điều 30. Phạm vi bảo hiểm

30.1. BIC nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của Người được bảo hiểm phải bồi thường cho chủ hàng về những tổn thất hàng hóa vận chuyển trên xe theo quy định của Bộ Luật dân sự và các quy định khác của pháp luật trong những trường hợp xe bị: đâm, va, lật, đổ, rơi toàn bộ; chìm; hoả hoạn, cháy, nổ; bị các vật thể khác rơi, va chạm vào; mất cắp, mất cướp toàn bộ xe; bão, lũ, lụt, sụt lở, sét đánh, động đất, mưa đá, sóng thần.

30.2. Ngoài ra, BIC còn thanh toán cho Người được bảo hiểm các chi phí cần thiết, hợp lý nhằm:

- Ngăn ngừa, giảm nhẹ tổn thất thêm cho hàng hóa;
- Bảo quản, xếp dỡ, lưu kho, lưu bãi hàng hóa trong quá trình vận chuyển do hậu quả của tai nạn.

30.3. BIC mở rộng phạm vi bồi thường trong trường hợp hàng hóa của chính chủ xe.

30.4. Trong mọi trường hợp, số tiền bồi thường thuộc phạm vi bảo hiểm của BIC không vượt quá mức trách nhiệm bảo hiểm ghi trên HĐBH.

Điều 31. Các điểm loại trừ trách nhiệm bảo hiểm

BIC không chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại về hàng hóa trong những trường hợp sau:

31.1. Thuộc các điểm loại trừ chung quy định tại Điều 11 Quy tắc bảo hiểm này.

31.2. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe thiếu trách nhiệm trong việc trông coi, bảo quản hàng hóa.

31.3. Xe không thích hợp với loại hàng chuyên chở.

31.4. Hàng bị thiếu, mất cắp, trộm cướp (trừ trường hợp mất hàng hóa cùng với mất cắp, mất cướp toàn bộ xe).

31.5. Hàng hoá lưu thông trái phép; hàng bị cơ quan chức năng thu giữ, bắt giữ hoặc trưng dụng xe.

31.6. Hàng hóa bị hư hỏng do chậm trễ, trừ trường hợp chậm trễ do tai nạn.

31.7. Hàng hóa hư hỏng tự nhiên; hư hỏng do không đủ phẩm chất, do bao bì đóng gói, chất xếp hàng không đúng theo yêu cầu kỹ thuật; hư hỏng do bị xô lệch, va đập trong quá trình vận chuyển mà không phải do các nguyên nhân thuộc phạm vi bảo hiểm.

31.8. Giao hàng chậm trễ, giao hàng không đúng người nhận; giao thiếu, sai thể loại, sai quy cách, sai mã ký hiệu.

31.9. Hàng hóa bị cháy không phải do lỗi của bên vận chuyển; súc vật sống bị chết do thời tiết hoặc dịch bệnh.

31.10. Tổn thất hay thiệt hại đối với những tài sản đặc biệt: vàng; bạc; đá quý; tiền; các loại giấy tờ có giá; đồ cổ; tranh ảnh quý hiếm; tài liệu thiết kế; thi hài, hài cốt; sinh vật cảnh (trừ khi có thỏa thuận khác).

31.11. Thiệt hại có tính chất hậu quả gián tiếp như: giảm giá trị thương mại, thiệt hại gắn liền với việc sử dụng và khai thác tài sản bị thiệt hại, những thiệt hại mang yếu tố tinh thần, thiệt hại không do tai nạn trực tiếp gây ra.

Điều 32. Giảm trừ bồi thường

BIC thực hiện giảm mức bồi thường theo tỷ lệ trong một số trường hợp sau đây:

32.1. Giảm 30% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

32.1.1. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thông báo tổn thất cho BIC bằng văn bản hoặc khai báo điện tử trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày xảy ra tổn thất (trừ trường hợp bất khả kháng);

32.1.2. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không thực hiện đầy đủ các biện pháp cứu chữa, hạn chế thiệt hại về người và tài sản, không bảo vệ hiện trường tổn thất, không thông báo ngay cho cơ quan công an hoặc chính quyền địa phương nơi gần nhất; không thông báo ngay cho BIC (trừ trường hợp bất khả kháng).

32.1.3. Lái xe vi phạm vượt quá tốc độ cho phép (từ 20% đến 50%);

32.2. Giảm 50% đến 100% số tiền bồi thường trong các trường hợp sau:

32.2.1. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe ô tô không bảo lưu quyền khiếu nại và chuyển quyền yêu cầu người thứ ba bồi hoàn cho BIC kèm theo toàn bộ hồ sơ, các căn cứ tài liệu cần thiết, không hợp tác chặt chẽ với BIC để yêu cầu người thứ ba bồi hoàn hoặc tự động thỏa thuận bồi thường với người thứ ba gây thiệt hại cho BIC.

32.2.2. Bên mua bảo hiểm và/hoặc Người được bảo hiểm và/hoặc lái xe không trung thực trong việc cung cấp các thông tin, tài liệu, chứng từ trong hồ sơ bồi thường; không tạo điều kiện thuận lợi cho BIC trong quá trình xác minh tính chân thực của các thông tin, tài liệu, chứng từ đó.

32.3. Giảm số tiền bồi thường tương ứng với tỷ lệ % chở quá trọng tải (đến 50%) theo quy định trong Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới.

32.4. Nguyên tắc giảm trừ số tiền bồi thường: khi Người được bảo hiểm bị giảm trừ số tiền bồi thường theo nhiều tỷ lệ khác nhau cho các hành vi vi phạm khác nhau, BIC sẽ lựa chọn áp dụng duy nhất một loại giảm trừ số tiền bồi thường theo tỷ lệ cao nhất.

32.5. Nguyên tắc áp dụng giảm trừ bồi thường và khấu trừ: nếu thiệt hại thuộc trường hợp áp dụng đồng thời giảm trừ bồi thường quy định tại Điều 32, mức khấu trừ tại Điều 33 quy định trên HĐBH thì thứ tự áp dụng như sau: áp dụng mức khấu trừ tại Điều 33 và cuối cùng áp dụng giảm trừ bồi thường tại Điều 32.

32.6. Ngoài các trường hợp nêu trên, trong từng trường hợp cụ thể, nếu chủ xe/người điều khiển xe không thực hiện đầy đủ trách nhiệm tại Điều 5 Quy tắc bảo hiểm này thì BIC có quyền từ chối một phần hoặc toàn bộ số tiền bồi thường tùy theo mức độ vi phạm của chủ xe/lái xe.

Điều 33. Mức khấu trừ

Mức khấu trừ là số tiền mà Người được bảo hiểm phải tự gánh chịu trong mỗi vụ tổn thất. Mức khấu trừ được quy định cụ thể trên HĐBH.